

YẾU TỐ CẬN LỜI TRONG HỘI THOẠI **(Trên cứ liệu truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp)**

THE NEIGHBORING WORD ELEMENTS IN CONVERSATION

(On the evidence of short stories by Nguyen Huy Thiep)

Lê Thị Huệ

(HVCH; Trường Đại học Hồng Đức)

Abstract: The instructions by language on the neighboring word elements in the quotation - both in the narration of the author and in the quotation of the character has made the dialogue in literature in general and in short stories by Huy Thiep in particular closer to the reality. From the perspective of language, it is clear to see that in a certain extent the neighboring word elements has played an important part in fully expressing the speech's message. Those initial researches will provide a foundation to help us to further research into many matters such as: the role of the neighboring word elements, the features of those elements in Vietnamese conversation ...

Key words: the neighboring word elements, the neighboring word elements in conversation, narration, Le Thi Hue.

1. Theo Đỗ Hữu Châu [3] thì “trong các vận động hội thoại có vận động trao lời, vận động trao đáp và tương tác hội thoại” và “Vận động trao lời là vận động của người nói A nói ra và hướng lời nói của mình về phía B. A có những vận động cơ thể (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt) hướng tới người nhận hoặc tự hướng về mình để bổ sung cho lời nói. Vận động trao đáp: Người nói B đáp lời người nói A, B có thể hồi đáp bằng những yếu tố kèm ngôn ngữ như cử chỉ, nét mặt, nụ cười... Cũng trong giáo trình này, Đỗ Hữu Châu đã dẫn ra ý kiến của Arbercrombie rằng: Chúng ta nói bằng các cơ quan cấu âm nhưng chúng ta cũng hội thoại với cả cơ thể chúng ta. Những sự kiện kèm ngôn ngữ xuất hiện với ngôn ngữ nói, hòa lẫn vào ngôn ngữ và cùng với ngôn ngữ nói hình thành nên một hệ thống giao tiếp trọn vẹn. Nghiên cứu về các hành vi kèm ngôn ngữ là một bộ phận của sự nghiên cứu về hội thoại, chỉ có thể hiểu đầy đủ các cách sử dụng ngôn ngữ khi các yếu tố kèm ngôn ngữ được chú ý đầy đủ.

Đỗ Tiến Thắng với “Ngữ điệu tiếng Việt” [6] cũng đã khẳng định vai trò của yếu tố cận lời trong hội thoại nói chung và trong tác phẩm văn học nói riêng.

Các yếu tố ngoài ngôn ngữ thực sự đã được quan tâm nghiên cứu khá nhiều. Tuy nhiên, để nghiên cứu về yếu tố cận lời của hội thoại trong tác phẩm văn học, chúng tôi sẽ theo quan điểm của Đỗ Hữu Châu, “*yếu tố kèm lời - cận lời là các yếu tố mặc dầu không có đoạn tính như âm vị và âm tiết nhưng đi kèm với các yếu tố đoạn tính. Không một yếu tố đoạn tính nào được phát âm ra mà không có yếu tố kèm lời đi theo. Được kể vào những yếu tố kèm lời là những yếu tố như ngữ điệu, trọng âm, cường độ, đỉnh giọng, độ dài. Vai trò biểu nghĩa đặc biệt là biểu nghĩa ngữ dụng của các yếu tố kèm lời là hiển nhiên*” [3].

2. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ xin được đề cập đến các yếu tố ngữ điệu, cường độ, và độ dài - trường độ mà thôi. Vì khảo sát trên cứ liệu là các tác phẩm văn học nên chúng tôi tập trung vào biểu hiện cụ thể của chúng bằng ngôn ngữ của tác giả

trong các tác phẩm khi xây dựng hội thoại của các nhân vật.

2.1. Ngữ điệu của lời nói (của câu) là một tổng thể phức tạp, bao gồm những yếu tố như là âm điệu (giọng cao hay thấp) nhịp điệu (độ nhanh hay chậm, liên tục hay có ngừng ngắt của lời nói), cường độ (mạnh hay yếu), tiết điệu (sự luân phiên chuyển đổi giữa các đoạn dài ngắn của lời nói, giữa độ mạnh hay yếu, độ nhanh hay chậm của lời nói) [1]. Đỗ Tiến Thắng [6] quan niệm, ngữ điệu có thể quy vào hai nhóm chính như sau: *Thứ nhất*, ngữ điệu là hiện tượng được cấu tạo bởi tổng hoà của nhiều nhân tố lời nói; *Thứ hai*, ngữ điệu là một hiện tượng gắn liền trước hết với sự biến đổi của cao độ và có quan hệ với trọng âm.

Tiếng Việt là một ngôn ngữ không biến đổi hình thái. Nhưng trong tiếng Việt, người ta nói tới thức của câu. Thức của câu chính là giá trị tình thái của câu. Và thức của câu là cơ sở để phân loại các kiểu câu theo mục đích nói. Theo đó, chúng tôi phân loại các kiểu câu theo mục đích nói - hay chính là giá trị tình thái của câu - cũng tức là ngữ điệu của câu gồm: câu kể (câu tường thuật), câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm thán. Sau đây là Bảng thống kê các kiểu câu - phát ngôn thể hiện ngữ điệu trong lời thoại của nhân vật trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp:

TT	Các kiểu câu	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ%
1	Câu cảm thán	128	37,10
2	Câu trần thuật	109	31,59
3	Câu nghi vấn	87	25,22
4	Câu cầu khiến	61	6,09
	Tổng	385	100%

Mỗi một kiểu câu, trong một chừng mực nhất định, chúng hoàn toàn có giá trị ngữ nghĩa cùng với lời để truyền tải thông tin đến

người nghe. Câu trần thuật là một kiểu câu ít thể hiện sắc thái tình cảm nhất so với các kiểu câu khác (nghi vấn, cầu khiến, cảm thán). Tuy nhiên, trong tác phẩm văn học, nhất là khi nó được đặt vào “miệng” nhân vật để phát ngôn thì sự hàm chứa những thông điệp không lời lại là rất lớn. Ví dụ:

(...) cô Kim bảo: **-Tùy anh. Anh ở bao lâu cũng được.** (Quan âm chi lộ, NHT).

Lời thoại của “cô Kiềm” được Nguyễn Huy Thiệp viết dưới dạng các câu trần thuật. Đây là lời hồi đáp cho phát ngôn trước đó của nhân vật “anh”:

- Anh chỉ ở đây đến mừng một Tết. Sáng mừng hai Tết anh phải đi rồi.

Phát ngôn này cũng là một thông báo và cũng được viết dưới dạng một câu trần thuật. Câu trần thuật thường được coi là rất ít tính tình thái. Nhưng, thực tế cho thấy, đây là phát ngôn chứa tình yêu, nỗi nhớ, sự mong chờ của hai kẻ yêu nhau say đắm. Vì một năm họ chỉ được gặp nhau có chừng ấy thời gian thôi với những ngày cuối cùng của năm cũ ... Đây là những những lời mà họ cố gắng diễn đạt với ngữ điệu “bình thường” để cố giấu đi tình yêu thiết tha đang cháy lên trong lòng họ.

Kết quả khảo sát cho thấy, kiểu câu cảm thán được Nguyễn Huy Thiệp sử dụng nhiều nhất. Câu hỏi cũng chiếm một tỉ lệ tương đối cao. Trong hoạt động hành chức của ngôn ngữ, có những hành động ngôn ngữ câu thúc sự hồi đáp. Đó chính là các kiểu câu thể hiện các hành động ngôn ngữ đòi hỏi có hành động hồi đáp như: *hỏi - trả lời, yêu cầu/đề nghị - chấp nhận/phản đối...* Điều này, phần nào cho thấy tính đối thoại trong văn của Nguyễn Huy Thiệp là khá rõ nét. Có những truyện ngắn như “Huyền thoại phố phường”, trong lời thoại của nhân vật, Nguyễn Huy Thiệp dường như không hề sử dụng một câu tường thuật nào. Toàn bộ là câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm thán. Những kiểu câu này, cùng với các sắc thái

khác của lời, làm cho các nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp dường như đang quay cuồng với dòng đời. Trong lời thoại của họ tất cả như đang sôi lên và gấp gáp bởi những âm mưu, những thủ đoạn, những toan tính lọc lừa...

2.2. Tác giả Đoàn Thiện Thuật [9] cho rằng, *cường độ* gắn liền với biên độ dao động, nó cho phép ta xác định âm thanh đó được người nghe tiếp nhận là to hay nhỏ, mạnh hay yếu. Biên độ dao động càng lớn thì cường độ âm thanh càng mạnh. Trong văn bản, dấu hiệu của cường độ, một phần được thể hiện ngay trong lời thoại của nhân vật, tức trong lời được dẫn và một phần được thể hiện ngay trong lời dẫn (lời của người kể - tác giả). Ví dụ::

*Tảo bỗng quát lên: **Chèo gì lụ thê? Đã sợ vãi đái ra quần rồi hả?*** (Chảy đi sông ơi, NHT)

Phát ngôn trên rõ ràng là đã được nói ra với một cường độ mạnh. Bởi không thể nói với một giọng yếu ớt những lời chửi rủa như thế. Và lại, trong lời dẫn, tác giả cũng đã dẫn rằng đây là lời “quát” của Tảo. Mà đã quát thì chẳng nhẽ lại “quát nhẹ nhàng”? Tuy nhiên, theo khảo sát của chúng tôi, để thể hiện cường độ trong lời nói của nhân vật, đa số tác giả đã kể lại trong lời dẫn. Bởi dấu hiệu ngôn ngữ thể hiện cường độ trong lời được dẫn - lời thoại của nhân vật quả thật rất khó xác định. Trong 54 lần xuất hiện, thì có tới 48 lần chúng tôi thấy tác giả dẫn cường độ nói của nhân vật qua lời dẫn, chiếm 88,89%. Ví dụ :

* - *Phải chứng minh!* - *Trưởng bản **hét lên**.* (Những ngọn gió Hua Tát - NHT)

* *Bà Thiều đứng dậy lấy quần áo mặc vào người rồi **quát tướng lên**:* - *Khóc cái gì? Cha bố cô! Có im ngay không bà lại cho cái vớ bầy giờ?* (Huyền thoại phố phường, NHT)

+ - *Đây rồi! Thu **kêu lên**.* Nó đã tìm thấy một bao diêm cũ, trong bao có chừng hơn một chục que. (Những ngọn gió Hua Tát - truyện thứ tư, NHT)

“*Hét lên; quát tướng lên; kêu lên*” là cách thức nói năng của nhân vật với cường độ mạnh, được tác giả dẫn lại trong lời dẫn. Những cách nói này thường là cách nói khi giận giữ hoặc khi vui sướng và cũng thường là cách nói của những người có địa vị, có quyền lực.

Cường độ không chỉ là khái niệm dùng để diễn đạt độ mạnh, độ lớn của giọng nói mà còn là cách nói để chỉ cách nói với độ thấp, độ yếu. Ví dụ:

Cô gái bối rối, **mãi sau nàng mới ấp úng:* - *Em là Muôn... ở bản Mường Lưm...* (Những ngọn gió Hua Tát - truyện thứ sáu - NHT)

Đặng **thì thào:* - *Mày có sợ không...? Tao sợ...* (Tâm hồn mẹ - NHT)

2.3. Theo Đỗ Tiến Thắng [6], câu nói không phải là hằng số bất biến của các khúc đoạn âm thanh. Khi đi vào hoạt động, các âm đoạn còn phải biến đổi theo những mức độ khác nhau. Biến đổi về cao độ đưa đến kết quả là tiếng trầm, tiếng bổng ở trong câu, biến đổi về cường độ cho ta câu nói “tiếng bắc, tiếng chi”. Trong ngôn điệu học Việt ngữ, Hoàng Cao Cương (1985) là người sớm nhìn thấy vai trò của đặc trưng *trường độ* của hình tiết trong câu. Theo ông, “về mặt trường độ, cấu trúc thanh điệu có phần đầu và phần cuối. Phần đầu mang thông tin về ngữ điệu, còn phần sau mang thông tin về cá thể thanh điệu. Sự biến đổi của trường độ thanh điệu làm cho các âm tiết cuối câu hoặc áp cuối câu thường dài hơn so với các âm tiết ở vị trí khác [Dẫn theo 6]. Một số tác giả khác như Hoàng Trọng Phiến, Nguyễn Minh Thuyết cho rằng “giọng dài” được dùng trong câu phủ định, Nguyễn Thị Việt Thanh thì thấy nó được dùng để thể hiện hàm ý mỉa mai... Vì vậy, ở đó nó thường được nói đến như ngữ điệu cá nhân, liên quan đến tâm lý, giới tính... của người nói và hoàn cảnh nói năng. Trong tiếng Việt, như vừa nói, trường độ là một thuộc tính có vai trò quan

trọng không kém cao độ và cường độ. Như vậy ngữ điệu tiếng Việt còn được tạo thành từ sự biến đổi trường độ hình tiết. Sự đối lập về trường độ hay độ dài đem đến cặp nét khu biệt ngữ điệu là dài/ngắn. [Dẫn theo 7]

Trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, dấu hiệu của trường độ, một phần cũng được thể hiện ngay trong lời thoại của nhân vật, tức là trong lời được dẫn và một phần được thể hiện ngay trong lời dẫn (lời của người kể - tác giả). Ví dụ

*Ông Pành an ủi: - **Đừng sợ... đừng sợ...** **Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi...*** (Những ngọn gió Hua Tát - truyện thứ sáu - NHT)

Đây là lời “an ủi” của ông Pành với một cô gái trẻ xinh đẹp đang run lên trong tay ông vì sợ hãi. Những dấu ba chấm nhiều lần, thể hiện giọng nói kéo dài, với những âm sắc âm áp, dịu dàng trong màn mưa mật mù của rừng núi... Đó cũng là tiếng lòng, là nhịp đập của con tim trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc mà dường như ông vừa bắt gặp. Cái giọng có vẻ như kéo dài đầy còn hàm chứa sự ghen ngào của tình yêu vừa bắt chợt nhen lên trong trái tim ông đầy mê hoặc.

Trong lời dẫn, chúng ta càng thấy rõ hơn yếu tố trường độ trong lời nhân vật. Ví dụ:

* - *Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi...* **Lão hạ thều thào bảo Cún.** - *Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến...* Cún - NHT)

* - *Cháu xin bác...* **Tôi rên rĩ.** – *Bác bảo cho cháu đến cuối bến Cốc cơ mà.* (Chạy đi sông oi - NHT)

“Thều thào”, “rên rĩ” thì không thể là nói to và càng không thể nói nhanh được. Đây là cách nói yếu ớt, chậm rãi của nhân vật khi sức kiệt hơi tàn

3. Có thể nhận thấy, những chỉ dẫn bằng ngôn ngữ về yếu tố cận lời trong lời dẫn - lời

kể của tác giả và trong cả lời được dẫn - lời thoại (của nhân vật) đã làm cho hội thoại trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp gần với thoại thực tế hơn. Từ góc độ ngôn ngữ, rõ ràng yếu tố cận lời, trong một chừng mực nhất định cùng với câu chữ, đã góp phần không nhỏ làm đầy lên thông điệp trong phát ngôn. Những yếu tố cận lời, với cách sử dụng riêng, đã góp phần định dạng văn của Nguyễn Huy Thiệp khác với văn của các tác giả khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ashe R.E. (1994), *Encyclopedia of language and linguistics*, Pergamon Press (Tài liệu dịch của GS. Đỗ Hữu Châu).
2. Bakhtin J.L. (1993), *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki* (Bản dịch của Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương trí Nhân), Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
4. Phi Tuyết Hinh (1996), *Thử tìm hiểu ngôn ngữ của cử chỉ điệu bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4.
5. Hồ Lê, 1996, *Quy luật ngôn ngữ*, Nxb Khoa học - xã hội.
6. Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt sơ thảo*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Tâm (2012), *Yếu tố kèm lời và phi lời trong hội thoại qua tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư*, Luận án Thạc sĩ Ngôn ngữ, ĐH Hồng Đức.
8. Nguyễn Huy Thiệp (2006), *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn. (Tư liệu nghiên cứu).
9. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐH & THCN.
10. Mai Thị Hảo Yến (2001), *Hội thoại trong tác phẩm văn học*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-07-2014)